

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 33.032016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông sen (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 03 năm 2016 từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính




Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.722.099.183	14.691.188.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	102.425.834	11.872.225.864
1. Tiền	111		102.425.834	437.876.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.434.349.710
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.024.758.033	2.164.570.517
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.135.250.778	3.164.686.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.110.492.745)	(1.000.116.186)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.418.845	232.655.621
1. Trả trước cho người bán	132		-	1.797.045
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	40.329.223	42.724.551
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	138.089.622	188.134.025
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		416.496.471	421.736.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		98.938.481	90.312.321
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.465.408	16.332.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.256.097	35.044.166
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		(14.183.619.830)	(14.183.619.830)
1 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(14.183.619.830)	(14.183.619.830)
II. Tài sản cố định	220		21.026.499	35.044.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.026.499	35.044.166
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.654.701)	(43.637.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.315.849.428	14.183.619.830
1. Tài sản dài hạn khác	268	V.7	14.315.849.428	14.183.619.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.875.355.280	14.726.233.071


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B01 - CTQ
 Đơn vị : VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		201.298.631	371.085.978
I. Nợ ngắn hạn	310		170.039.012	339.826.359
1. Phải trả người bán	312		235.556	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	24.631.147	126.682.450
3. Chi phí phải trả	316	V.9	26.628.838	50.090.002
4. Các khoản phải trả khác	319		27.865.585	24.050.762
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		80.483.592	128.808.851
II. Nợ dài hạn	330		31.259.619	31.259.619
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	337	V.10	31.259.619	31.259.619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.674.056.649	14.355.147.093
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.674.056.649	14.355.147.093
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.325.943.351)	(10.644.852.907)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.875.355.280	14.726.233.071

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		601.040.000	793.040.000
- Chứng khoán giao dịch	008		601.040.000	793.040.000
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		11.272.369.660	792.220.294
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		10.366.936	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		11.262.002.724	792.220.294
3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.11	13.939.374.442	25.055.653.944
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		3.132.190.036	-
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		10.807.184.406	25.055.653.944
4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.12	251.838.592	2.202.477.184
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.13	40.893.667	40.128.443


 Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016


 Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B02 - CTQ
 Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01	VI.1	148,097,609	3,093,516,741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		148,097,609	3,093,516,741
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn	11	VI.2	1,081,521,998	1,594,735,720
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(933,424,389)	1,498,781,021
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	690,984,543	888,300,076
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	337,008,915	(36,690,294)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,101,710,104	14,375,887,624
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,681,158,865)	(11,952,116,233)
10. Thu nhập khác	31		68,421	576,275,341
11. Chi phí khác	32		-	676,373,014
12. Lợi nhuận khác	40		68,421	(100,097,673)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1,681,090,444)	(12,052,213,906)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1,681,090,444)	(12,052,213,906)
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VI.5	(672)	(4,821)


 Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016


 Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B05 - CTQ
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	01/01/2014	01/01/2015	2014		2015		31/12/2014	31/12/2015
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	1.407.360.999	(10.644.852.907)		12.052.213.906	-	1.681.090.444	(10.644.852.907)	(12.325.943.351)
Cộng	26.407.360.999	14.355.147.093	-	12.052.213.906	-	1.681.090.444	14.355.147.093	12.674.056.649



Nguyễn Thế Hưng
 Người lập
 Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016



Nguyễn Thế Hưng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Tài
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Bông Sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 03 năm 2009, giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 01 năm 2012 và giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ :6 người

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Áp dụng Chuẩn mực

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	14.479.741	24.500.655
Tiền gửi ngân hàng	87.946.093	413.375.499
Các khoản tương đương tiền	-	11.434.349.710
Cộng	102.425.834	11.872.225.864

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Tiền gửi có kỳ hạn		7.174.614.095		1.791.250.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	5.960.636.683	-	1.373.436.703
Chi tiết danh mục cổ phiếu bị giảm giá				
<i>FLC</i>	21.600	170.640.000	-	-
<i>HPG</i>	15.000	438.000.000	2	45.200
<i>IDJ</i>	139.200	320.160.000	2	15.000
<i>PAC</i>	2	66.600	4	42.000
<i>SHI</i>	2	23.400	-	-
<i>Saraecom</i>	50.000	-	50.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.110.492.745)		(1.000.116.186)
Cộng		12.024.758.033		2.164.570.517

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	40.329.223	42.724.551
Cộng	40.329.223	42.724.551

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khác	138.089.622	188.134.025
Cộng	138.089.622	188.134.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	315.092.582	315.092.582
	315.092.582	315.092.582

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2015	78.681.200	78.681.200
Tại 31/12/2015	78.681.200	78.681.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2015	43.637.034	43.637.034
Khấu hao trong kỳ	14.017.667	14.017.667
Tại 31/12/2015	57.654.701	57.654.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	35.044.166	35.044.166
Tại 31/12/2015	21.026.499	21.026.499

7. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	14.315.849.428	14.183.619.830
Cộng	14.315.849.428	14.183.619.830

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	23.910.737	27.758.612
Các loại thuế khác	720.410	98.923.838
Cộng	24.631.147	126.682.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phí kiểm toán	25.000.006	47.000.000
Khác	1.628.832	3.090.002
Cộng	26.628.838	50.090.002

10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.259.619	28.498.997
Số hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số trích lập trong kỳ	-	2.760.622
Số dư cuối kỳ	31.259.619	31.259.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	3.132.190.036	-
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
<i>IDJ</i>	2.165.487.490	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Cổ phiếu niêm yết	10.757.184.406	17.483.621.944
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	<i>Giá mua</i>	<i>Giá mua</i>
<i>ABT</i>	340.448.248	81.000.000
<i>C32</i>	-	819.955.420
<i>CTG</i>	-	526.422.300
<i>CTD</i>	-	373.500.000
<i>CSM</i>	59.932.400	-
<i>DPM</i>	1.413.474.920	1.415.624.920
<i>DXP</i>	-	441.560.000
<i>FLC</i>	441.328.960	-
<i>GAS</i>	1.307.470.180	724.000.000
<i>HAG</i>	783.939.600	783.939.600
<i>HPG</i>	276.000.000	276.000.000
<i>MAS</i>	-	90.108.000
<i>MCP</i>	73.000	-
<i>PVD</i>	1.100.871.384	1.163.104.000
<i>PTB</i>	-	450.164.921
<i>SDT</i>	264.782.560	503.360.000
<i>SSI</i>	495.497.600	898.981.200
<i>TRA</i>	-	453.000
<i>HSG</i>	325.650.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	50.000.000	7.572.032.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-
Cộng	10.807.184.406	25.055.653.944
Tổng cộng	13.939.374.442	25.055.653.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về giao dịch chứng khoán	50.022.000	2.173.497.184
Phải thu phí quản lý	80.483.592	-
Phải thu cổ tức	121.333.000	28.980.000
Cộng	251.838.592	2.202.477.184

13. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả thuế	9.541.315	9.340.535
Phải trả phí quản lý	30.787.908	30.787.908
Phải trả phí lưu ký	564.444	-
Cộng	40.893.667	40.128.443

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	148.097.609	603.516.741
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.490.000.000
Cộng	148.097.609	3.093.516.741

2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán (Mã số 02)

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	1.081.521.998	988.585.594
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	606.150.126
Cộng	1.081.521.998	1.594.735.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	656.196.943	858.527.018
Lãi đầu tư tài chính	-	13.548.558
Cổ tức lợi nhuận được chia	34.787.600	16.224.500
Cộng	690.984.543	888.300.076

4. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	226.632.356	299.431.605
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	110.376.559	33.746.738
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(369.868.637)
Cộng	337.008.915	(36.690.294)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(1.681.090.444)	(12.052.213.906)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân phối cho các cổ đông	(1.681.090.444)	(12.052.213.906)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(672)	(4.821)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, bộ phận hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	-	40.329.223	-	-	40.329.223
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	12.841.497.710
Tổng tài sản hợp nhất	-	40.329.223	-	-	12.881.826.933
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	111.743.211	-	-	111.743.211
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	89.555.421
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	111.743.211	-	-	201.298.632

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09 - CTQ**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (năm 2015)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	148.097.609	-	-	148.097.609
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	-	148.097.609	-	-	148.097.609
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	1.081.521.998	-	-	1.081.521.998
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(933.424.389)	-	-	(933.424.389)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(933.424.389)	-	-	(933.424.389)
Chi phí không phân bổ		1.101.710.104			1.101.710.104
Doanh thu từ các khoản đầu tư					690.984.543
Lãi khác					68.421
Chi phí tài chính					337.008.915
Lỗ trước thuế					(1.681.090.444)
Chi phí thuế TNDN					-
Lỗ trong năm					(1.681.090.444)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B09 - CTQ**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán (Tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2015)**

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	-	42.724.551	-	-	42.724.551
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	14.683.508.520
Tổng tài sản hợp nhất	-	42.724.551	-	-	14.726.233.071
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	160.068.470	-	-	160.068.470
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	211.017.508
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	160.068.470	-	-	371.085.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (năm 2014)

	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán.	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	603.516.741	2.490.000.000	-	3.093.516.741
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các BP khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	-	603.516.741	2.490.000.000	-	3.093.516.741
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	988.585.594	606.150.126	-	1.594.735.720
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(385.068.853)	1.883.849.874	-	1.498.781.021
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(385.068.853)	1.883.849.874	-	1.498.781.021
Chi phí không phân bổ					14.375.887.624
Doanh thu từ các khoản đầu tư					888.300.076
Lỗ khác					(100.097.673)
Chi phí tài chính					(36.690.294)
Lỗ trước thuế					(12.052.213.906)
Lỗ trong năm					(12.052.213.906)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	102.425.834	11.872.225.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.089.622	188.134.025
Đầu tư ngắn hạn	12.024.758.033	2.164.570.517
Cộng	12.265.273.489	14.224.930.406
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	28.101.141	24.050.762
Chi phí phải trả	26.628.838	50.090.002
Cộng	54.729.979	74.140.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Chi phí phải trả	26.628.838	-	26.628.838
Các khoản vay	-	-	-
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Chi phí phải trả	50.090.002	-	50.090.002
Các khoản vay	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.425.834	-	102.425.834
Phải thu khách hàng và phải thu khác	138.089.622	-	138.089.622
Đầu tư tài chính	12.024.758.033	-	12.024.758.033
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.872.225.864	-	11.872.225.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.134.025	-	188.134.025
Đầu tư tài chính	12.024.758.033	-	12.024.758.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - CTQ

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Ban giám đốc của Công ty được hưởng trong năm 2015 như sau:


Ban giám đốc	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc	Tiền lương	300.000.000	300.000.000
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Giám đốc	Tiền lương	105.600.000	105.600.000


4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.


Nguyễn Thế Hưng
Người lập
Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016


Nguyễn Thế Hưng
Kế toán trưởng


Nguyễn Đức Tài
Giám đốc